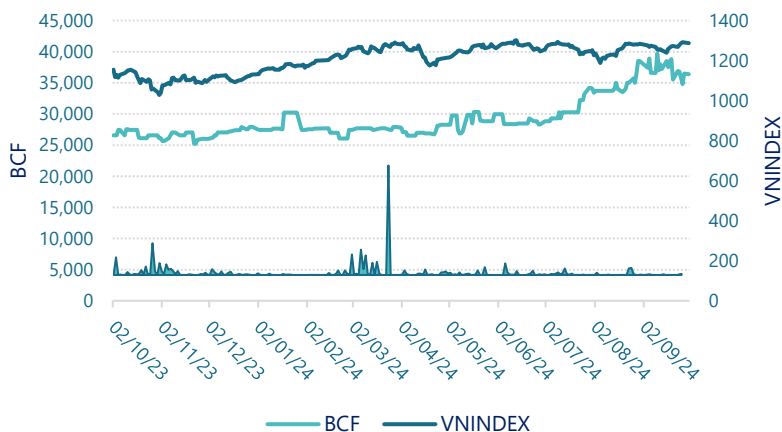




CTCP Thực phẩm Bích Chi (HNX: BCF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	36,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,208
SL cổ phiếu LH	33,897,213
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,940
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,234
P/E	12.2
EPS	2,977

DT thuần
Q3/24

206

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.0 | 6.3%

YoY: ▲ 58.0 | 39.4%

LN sau thuế
Q3/24

32.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.70 | 5.4%

YoY: ▲ 11.9 | 58.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24

19.7%

+/- YoY: ▲ 2.4%

DT thuần
9T 2024

571

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 147 | 34.7%

LN sau thuế
9T 2024

86.8

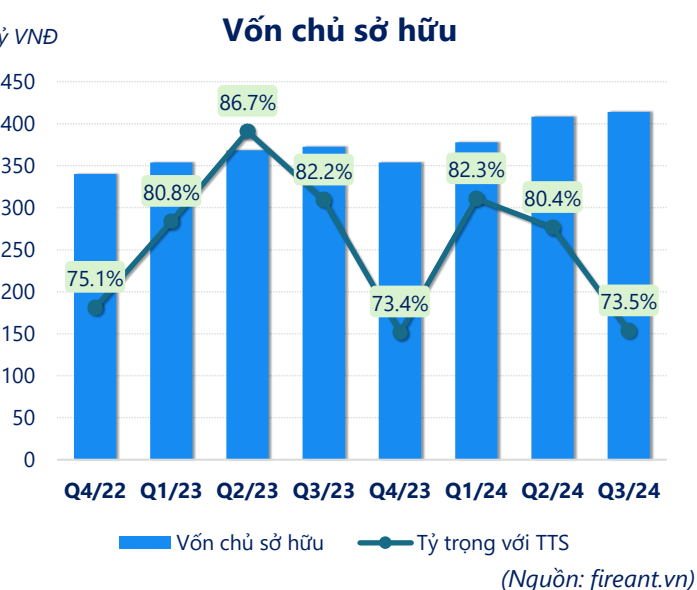
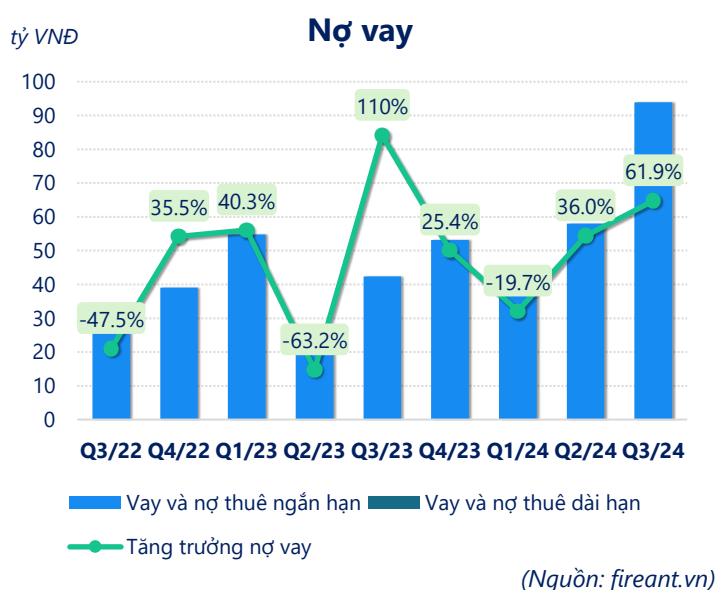
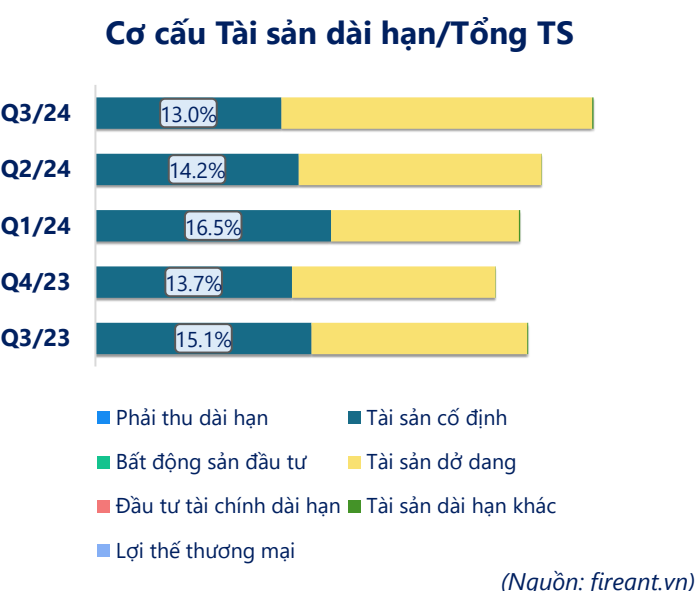
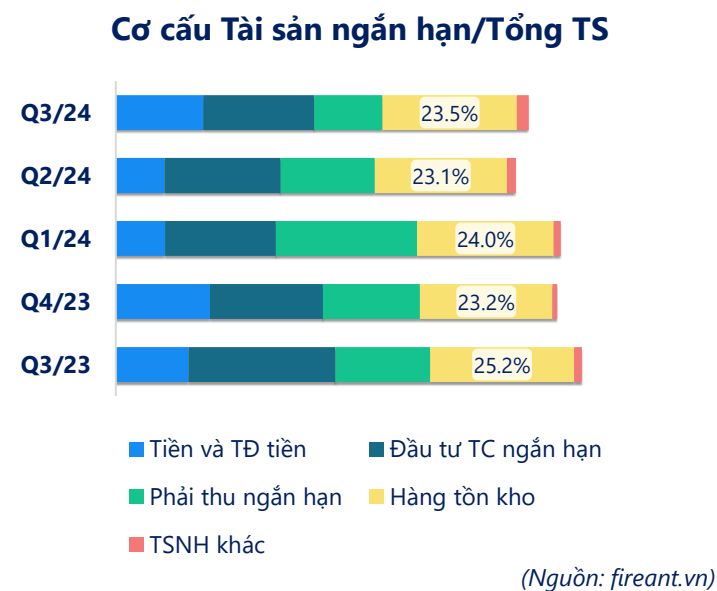
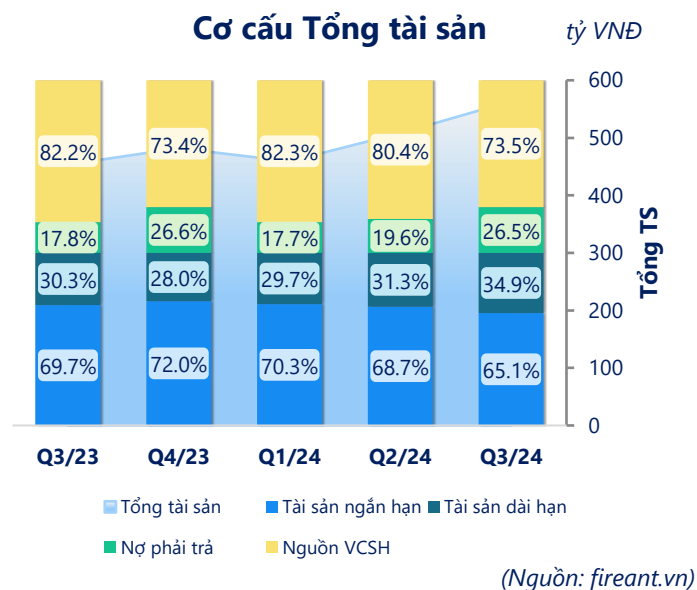
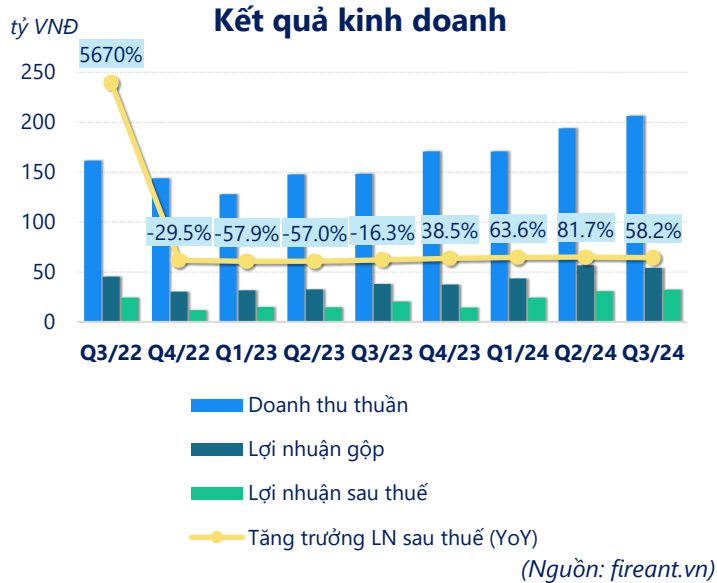
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 37.2 | 75.0%

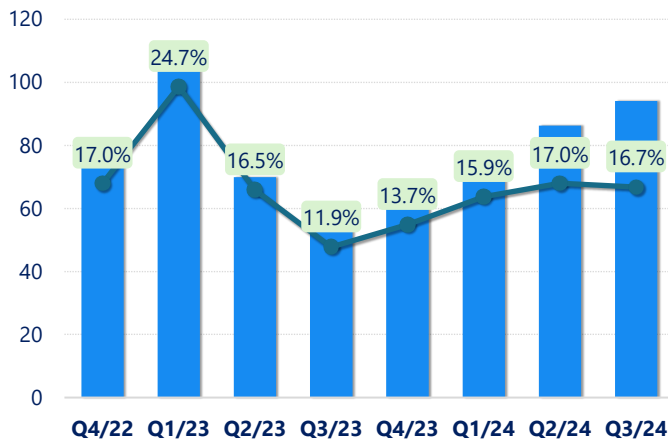
ROE
Q3/24

25.7%

+/- YoY: ▲ 9.0%



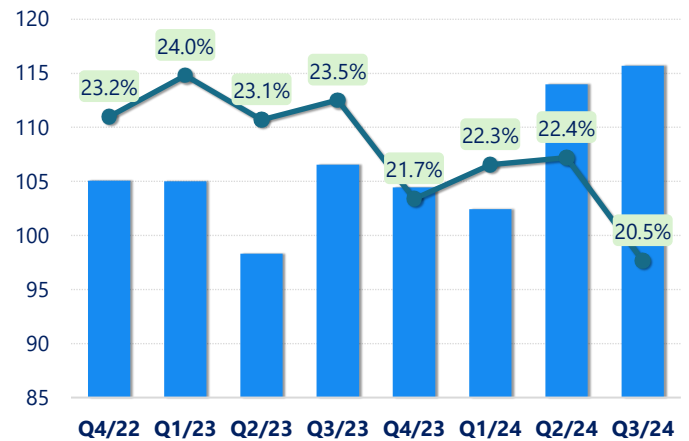
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


Phải thu ngắn hạn Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

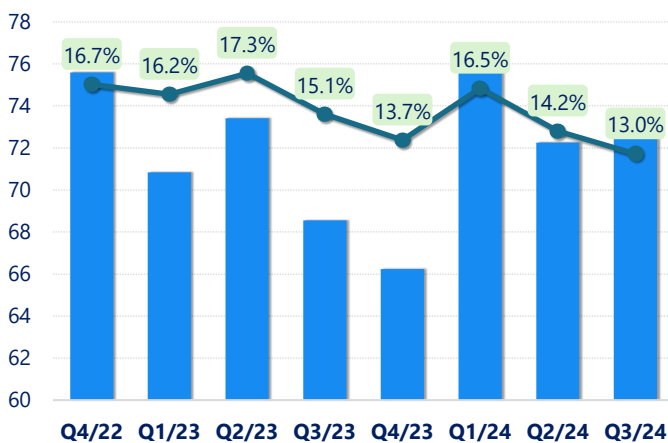
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


Hàng tồn kho Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

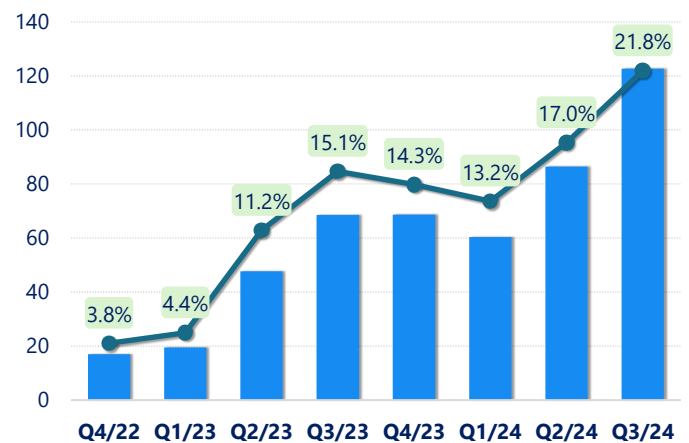
tỷ VNĐ

Tài sản cố định


Tài sản cố định Tỷ trọng với TTS

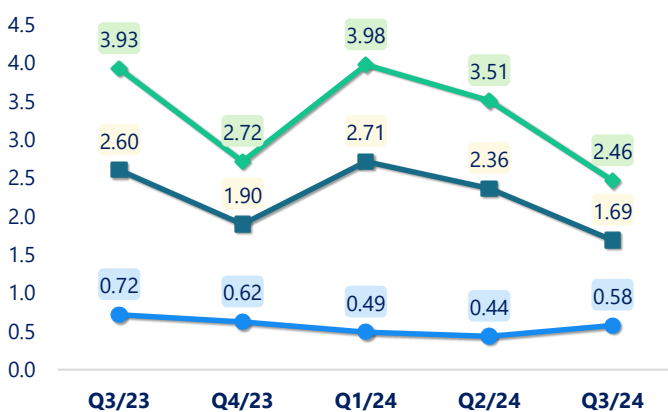
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


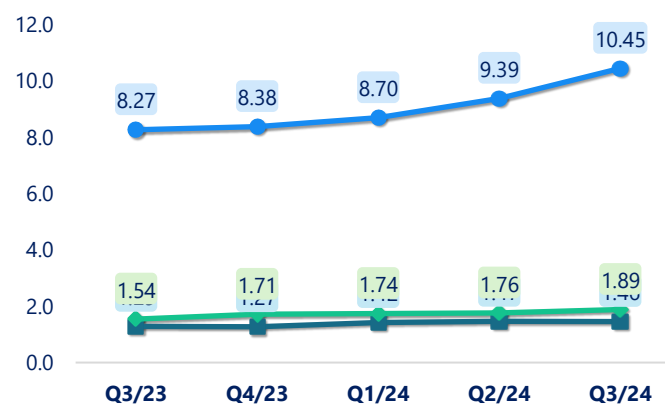
Tài sản dở dang Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


Tỷ số thanh toán tiền mặt Tỷ số thanh toán nhanh Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


Vòng quay TSCĐ Vòng quay Tổng TS Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	453	482	459	508	564
Tài sản ngắn hạn	316	347	323	349	367
Tiền và tương đương tiền	57.6	79.4	39.7	43.3	86.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88.1	89.1	99.9	96.6	58.5
Phải thu ngắn hạn	54.1	66.1	73.2	86.3	94.1
Hàng tồn kho	107	104	102	114	116
Tài sản ngắn hạn khác	9.56	7.77	7.45	9.01	12.5
Tài sản dài hạn	137	135	137	159	196
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	68.5	66.2	75.7	72.3	73.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	68.5	68.7	60.4	86.4	123
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.30	0.16	0.41	0.13	0.47
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	80.8	128	81.5	99.8	149
Nợ ngắn hạn	80.5	128	81.1	99.5	149
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.4	53.1	42.6	58.0	93.9
Phải trả người bán ngắn hạn	10.9	15.4	12.4	14.3	18.9
Nợ dài hạn	0.34	0.34	0.34	0.26	0.26
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	372	354	378	408	414
Vốn chủ sở hữu	372	354	378	408	414
Vốn điều lệ	323	323	323	323	339
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)